

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology and Environmental Protection	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00408/2025/PKQ QTKSƠN (25.0393)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 22/07/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (KĐNB) (Đơn hàng: 25.0393)
2. Địa điểm lấy mẫu: Trạm PPK Bà Rịa - Phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3. Loại mẫu: Nước thải
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 30/06/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM



Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00408/2025/PKQ QTKSƠN (25.0393)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 22/07/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	NTbr	Nước thải sinh hoạt tại hồ gas cuối cùng	QT.250630.006

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT	
				QT.250630.006	Cột A	Cột B
1	pH	-	SMEWW 4500-H+.B:2023	7,3	5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	SOP.11.03.006	310	500	1.000
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1 : 2021	14	30	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	50	100
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023	0,38	30	50
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	0,011	5	10
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,027	6	10
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (LOD=0,02)	5	10
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221 B&C:2023	1.100	3.000	5.000
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520 B:2023	KPH (LOD=0,3)	10	20
11	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&C&D2023	KPH (LOD=0,038)	1	4

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology and Environmental Protection	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00409/2025/PKQ QTKSƠN (25.0394)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 22/07/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (KĐN) (Đơn hàng: 25.0394)
2. Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm PPK Nhơn Trạch - KCN Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
3. Loại mẫu: Nước thải
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 30/06/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM



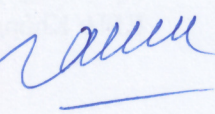

Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM




Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH




Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00409/2025/PKQ QTKSÔN (25.0394)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date22/07/2025
------------------------------------	---	---

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	NTnt	Nước thải sinh hoạt tại vị trí thải ra kênh Rạch Muối	QT.250630.007

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT	
				QT.250630.007	Cột A	Cột B
1	pH	-	SMEWW 4500-H+.B:2023	7	5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	SOP.11.03.006	120	500	1.000
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1 : 2021	38	30	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	23	50	100
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	0,41	30	50
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	5	10
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,044	6	10
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (LOD=0,02)	5	10
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221 B&C:2023	1.400	3.000	5.000
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520 B:2023	KPH (LOD=0,3)	10	20
11	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&C&D2023	0,11	1	4

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.